

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HSST

Ngày: 18/02/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Điệp

Ông Nguyễn Văn Ngọc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Bích T (tên gọi khác: Nhi), sinh ngày 03 tháng 4 năm 1998 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973 và không xác định được cha. Bị cáo chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2019. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bích T: Bà Bùi Thị Huân- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

2. Dương Văn L (tên gọi khác: Lương), sinh ngày 11 tháng 8 năm 1997 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M 1, xã M, Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn B, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962. Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Cao Thị M, sinh năm 1997 và chưa có con. Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 05/8/2016, bị cáo L bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, bị cáo chấp hành xong ngày 09/9/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2019. Bị cáo có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Thị Bích T và Dương Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 24/7/2019, Danh Trắng (sinh năm 1994), ngụ tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và bạn gái là Nguyễn Thị Bích T đang ở tại phòng trọ thuộc ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai thì Dương Văn L gọi điện thoại cho Trắng hỏi mua một gói ma túy với giá 300.000đ. Trắng đồng ý và hẹn L đến khu vực khu phố P, thị trấn H để lấy ma túy. Sau đó, Trắng nhờ T cầm một gói ma túy đến khu phố Phước Kiểng để giao bán ma túy cho L. T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 83E1-196-06 đi đến nơi Trắng hẹn giao ma túy cho L. Lúc này, Dương Văn L nhờ Cao Thị M (sinh năm 1997), ngụ tại thôn T, xã C, huyện Cẩm T, tỉnh Thanh Hóa là bạn gái của L đi đến gặp T để lấy đồ cho L, L không nói cho Mai biết là ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở M đi quanh khu vực khu phố P để tránh bị phát hiện và T nói với M lấy đồ trong túi quần trước bên trái, T không nói cho M biết đây là ma túy. Lúc này, M đưa tay trái vào túi quần của T lấy một gói nylon bên trong chứa ma túy, đồng thời nhét 300.000đ vào túi quần của T rồi T điều khiển xe chở M về. M đến gặp L và đưa cho L gói nylon mà T đã đưa cho M. Sau đó, L và M đi đến phòng trọ của Huỳnh Vũ Đ tại khu phố P, thị trấn H, tại đây còn có Trần Chí T (sinh năm 1993), Võ Thanh V (sinh năm 1998) và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999. Lúc này, L lấy gói ma túy vừa mới mua được và rủ Đ, T, V cùng nhau sử dụng ma túy, còn M và H đứng nói chuyện trước phòng trọ không sử dụng ma túy. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, thì Công an thị trấn H nhận được tin báo của quần chúng nhân dân có một nhóm người nghi sử dụng ma túy nên đến tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ của Đ thì phát hiện

bắt quả tang L tàng trữ 01 gói ma túy. Đến 20 giờ ngày 24/7/2019, T đến Cơ quan công an thị trấn Hiệp Phước đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tang vật vụ án gồm:

+ 01 gói nylon hàn kín, kích thước 1 x 3cm, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng thu giữ của Dương Văn L.

+ 01 chiếc kéo, 01 bình nhựa có gắn nổ T tinh và ống hút nhựa, 01 hộp quẹt.

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen bên trong có gắn sim số 0343.935.776 của bị cáo Dương Văn L.

+ 01 xe mô tô biển số 83E1- 196.06 của anh Trần Thanh Đ.

+ Số tiền 150.000đ thu giữ của bị cáo Dương Văn L.

+ Số tiền 280.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Bích T.

Tại bản kết luận giám định số 768/PC09-GĐMT ngày 01/08/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 0,4007gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T và L đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT.VKS-NT ngày 09/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Dương Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T từ 02 đến 03 năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo L từ 02 đến 03 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích T và Dương Văn L không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Ý kiến của bà Bùi Thị Huân bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất về tội danh theo ý kiến của Viện kiểm sát. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đầu thú, gia đình thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự cho bị cáo T do bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T tại phiên tòa: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo L tại phiên tòa: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Bích T và Dương Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 15 giờ 00 phút, ngày 24/7/2019, tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, bị cáo Nguyễn Thị Bích T đã thực hiện hành vi bán trái phép 0,4007gam ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Dương Văn L. Đến 16 giờ cùng ngày, tại khu phố Phước Kiềng, thị trấn Hiệp Phước, huyện N, Công an thị trấn H bắt quả tang Dương Văn L đang tàng trữ trái phép 0,4007 gam ma túy loại Methamphetamine. Đến 20 giờ cùng ngày, T đến Công an thị trấn H đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố để kết L bị cáo Nguyễn Thị Bích T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Dương Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy; làm lan tràn tệ nạn xã hội nghiện ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức được việc mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo xem thường pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Đối với bị cáo L là người có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không quyết

tâm cai nghiện ma túy mà tiếp tục tàng trữ ma túy để sử dụng. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, các bị cáo khai không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, bị cáo T và bị cáo L tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với bị cáo T ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Xét ý kiến của bà Bùi Thị Huân bào chữa cho bị cáo: Bà Huân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy gói ma túy còn lại sau giám định, 01 chiếc kéo, 01 bình nhựa có gắn nổ T tinh- ống hút nhựa, 01 hộp quẹt và 01 sim số 0343.935.776.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen của Dương Văn L.

Trả lại cho bị cáo Dương Văn L số tiền 150.000đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích T giao nộp lại 300.000đ là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Đối với Huỳnh Vũ Đ, Võ Thanh V, Trần Chí T là người sử dụng trái phép chất ma túy nên đã bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 83E1- 196.06 do anh Trần Thanh Đ là chủ sở hữu nhưng chưa làm việc được với anh Đ nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với Danh T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Thị Bích T, do Trắng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều người trong nhiều vụ án khác nhau nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Danh T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Cao Thị M không biết việc Dương Văn L nhờ đi lấy ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo L phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Bích T do là cá nhân thuộc hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Bích T** phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo **Dương Văn L** phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

Xử phạt bị cáo Dương Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong (mẫu vật ma túy còn lại sau giám định) số 768/KLGD-PC09 ngày 01/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, 01 chiếc kéo, 01 bình nhựa có gắn nổ thủy tinh- ống hút nhựa, 01 hộp quẹt và 01 sim số 0343.935.776 là tang vật vụ án.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen của Dương Văn L sử dụng vào việc phạm tội.

(Các vật chứng nêu trên đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/01/2020).

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn L số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do không liên quan đến việc phạm tội. (Số tiền thu giữ của bị cáo L đã được giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 000743 ngày 10/01/2020).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích T giao nộp lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước, đã thu giữ của bị cáo T 280.000đ theo biên lai thu số 000743 ngày 10/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N nên bị cáo T còn phải nộp thêm 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Bích T.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm